

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Án số: 22/2021/HS-ST
Ngày 15 - 3 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH , TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thiện Lợi

Ông Phạm Đức Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình , tỉnh Thái Bình. Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 15/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/QĐXX-HS ngày 01/3/2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn C, sinh ngày 01/4/1996; nơi sinh: Tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ và chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Từ tháng 02/2016 đến tháng 01/2018 tham gia nghĩa vụ quân sự đóng quân tại Đại đội 16, Trung đoàn 43, Sư đoàn 395, Quân khu 3; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/12/2020 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Chị Bùi Thị A, sinh năm 2000; đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu V, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình; thuê trọ tại: Số nhà 45, ngõ 12, đường H, tổ 12, phường Q, thành phố B, (vắng mặt);

* Người làm chứng: Cháu Phan Thị Phương D, sinh ngày 14/9/2004; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình, (vắng mặt);

Người đại diện theo pháp luật: Chị Phạm Thị M (mẹ đẻ cháu D); nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 16 giờ ngày 24/11/2020, bị cáo Nguyễn Văn C và bạn gái là cháu Phan Thị Phương D đang ở trọ tại số nhà 45, ngõ 12, đường H, tổ 12, phường Q, thành phố B, thì bị cáo C nghe thấy có người gọi bên ngoài cổng khu nhà trọ để giao bình ga, bị cáo đi ra trả lời người bán ga rồi đi vào phòng. Khi đi đến phòng trọ của chị Bùi Thị A (liền kề phòng trọ của bị cáo) bị cáo nhìn thấy cửa phòng khép hờ, trong phòng không có người nên bị cáo nảy sinh ý định vào phòng của chị Bùi Thị A để trộm cắp tài sản. Bị cáo mở cửa phòng trọ của chị A đi vào trong phòng nhìn thấy trên mặt bàn gần cửa chính để 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng, bị cáo dùng tay phải cầm chiếc điện thoại lên tắt nguồn và cất vào túi quần bên phải đang mặc của bị cáo. Bị cáo quan sát thấy trên mặt bàn phía trong góc phòng có để 01 ví giả da màu nâu, bị cáo dùng tay phải cầm chiếc ví lên rồi đi ra phòng vệ sinh chung ở cuối dãy của khu nhà trọ, bị cáo mở ví kiểm tra thì thấy bên trong ví có: 01 giấy đăng ký xe mô tô, biển số đăng ký 17B4-12345; 01 giấy phép lái xe; 01 thẻ căn cước công dân; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Viettinbank; 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Bùi Thị A, bị cáo ném chiếc ví cùng toàn bộ giấy tờ qua lỗ thông gió ra sau nhà vệ sinh rồi đi về phòng trọ của mình và nói với bạn gái là cháu Phan Thị Phương D “Anh đi ra ngoài mua ít đồ” sau đó bị cáo mang chiếc điện thoại vừa trộm cắp được của chị A cất dấu tại khu vực tường rào cạnh bãi đất trống cách khu nhà trọ khoảng 50 mét sau đó đi về phòng trọ, trên đường về bị cáo gặp chị A, chị A hỏi bị cáo: “Anh có nhặt được điện thoại của em không”, bị cáo trả lời “Anh không nhặt được” rồi cùng chị A đi về khu nhà trọ để tìm điện thoại bị mất. Chị Bùi Thị A đã đến Công An phường Quang Trung, thành phố Thái Bình để trình báo sự việc. Công an phường Quang Trung đã triệu tập bị cáo đến làm việc sau đó bị cáo cùng lực lượng Công an phường về khu nhà trọ tìm lại tài sản trộm cắp để giao nộp cho cơ quan Công an.

Tại cơ quan điều tra, bị hại là chị Bùi Thị A đã trình bày về việc bị mất tài sản ngày 24/11/2020 như bị cáo khai nhận.

Kết luận định giá tài sản số 46/KLĐG-HĐĐG ngày 26/11/2020 trong tố tụng hình sự của thành phố Thái Bình kết luận: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng trị giá 5.250.000 đồng; 01 ví giả da, màu nâu trị giá 55.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 5.305.000 đồng (*năm triệu ba trăm linh lăm nghìn đồng*).

Tại cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 20/CT - VKSTP ngày 20/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

Kiểm sát viên luận tội: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án. Kiểm sát viên phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ xác

định có tội, không có chứng cứ xác định vô tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở đó giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng đến 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình để giám sát, giáo dục.

3. Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã trả lại cho chị Bùi Thị A: 01 điện thoại di động hiệu Iphone Plus, màu vàng; 01 giấy đăng ký xe mô tô, biển số đăng ký 17B4-12345; 01 giấy phép lái xe; 01 thẻ căn cước công dân; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Viettinbank; 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Bùi Thị A nên không phải giải quyết.

Bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bị cáo không trình bày lời bào chữa, không trình bày ý kiến tranh luận về tội danh và mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Các tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên và Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và đó là các tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh cho hành vi phạm tội của các bị cáo. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và của cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên bị cáo không khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng.

[2]. Căn cứ kết tội bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đúng như lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và hoàn toàn phù hợp với nhau. Lời khai nhận của bị cáo còn phù hợp với Cáo trạng đã truy tố và các tài liệu, chứng cứ như: Báo cáo vụ việc ngày 24/11/2020 của Công an phường Quang Trung, thành phố Thái Bình; Biên bản tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm ngày 24/11/2020; Lời khai của bị

hại; Lời khai của người làm chứng; Bản kết luận định giá tài sản; cùng các tài liệu, chứng cứ khác chứng minh về thời gian, địa điểm phạm tội thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 24/11/2020, tại phòng trọ của chị Bùi Thị A, sinh năm 2000, tại số nhà 45, ngõ 12, đường H, tổ 10, phường Q, thành phố B, tỉnh Thái Bình, bị cáo Nguyễn Văn C có hành vi trộm cắp tài sản của chị Bùi Thị A gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu vàng, 01 ví giả da màu nâu có tổng trị giá tài sản là 5.305.000 đồng cùng: 01 giấy đăng ký xe mô tô, biển số đăng ký 17B4-12345; 01 giấy phép lái xe; 01 thẻ căn cước công dân; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Viettinbank; 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Bùi Thị A. Xét, bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, lẽ ra bị cáo phải nhận thức rõ không ai có quyền chiếm đoạt tài sản hợp pháp của người khác, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách bất hợp pháp đều bị xử lý, song để đạt được nhu cầu có tiền tiêu xài cá nhân mà không mất sức lao động, bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của bị hại có tổng giá trị 5.305.000 đồng và các giấy tờ tùy thân. Xét tài sản do bị cáo trộm cắp có giá trị phù hợp với dấu hiệu cấu thành cơ bản của tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Điều 173 - Tội trộm cắp tài sản: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) ...”. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Đối với cháu Phan Thị Phương D là người ở cùng phòng trọ với bị cáo C nhưng không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo C nên cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ xử lý là phù hợp.

[4]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn C thì thấy là nguy hiểm cho xã hội, vì hành vi đó đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt với lỗi cố ý. Cho thấy hành vi của bị cáo là rất liều lĩnh, táo bạo, tạo ra tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân và tạo lên dư luận xấu trong xã hội. Xét nguyên nhân và điều kiện thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu tiêu xài của bản thân mà không mất sức lao động nên bị cáo không tuân thủ pháp luật. Vì vậy cần xét xử bị cáo nghiêm minh bằng pháp luật.

[5]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thời gian phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam, do đó khi quyết định hình phạt bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Bị cáo có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài xã hội cũng đảm bảo hiệu quả của việc cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng, 01 ví giả da màu nâu cùng: 01 giấy đăng ký xe mô tô, biển số đăng ký 17B4-12345; 01 giấy phép lái xe; 01 thẻ căn cước công dân; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Viettinbank; 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Bùi Thị A đều thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Bùi Thị A, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã trả lại cho chị A ngày 07/12/2020, chị A đã nhận lại đủ tài sản và không có đề nghị gì khác về dân sự nên không phải giải quyết tại bản án này.

[8]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự. Áp dụng Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm thời hạn tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.

3. Án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 15/3/2021. Vắng mặt bị hại, báo cho biết có 15 ngày kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra Công an TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hân